

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **580**/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày **19** tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên
Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và tích hợp, cung cấp
trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2021**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 406/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia năm 2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh (dichvucong.dienbien.gov.vn) và tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia (dichvucong.gov.vn) năm 2021 (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Tổ chức thực hiện, phổ biến, tuyên truyền Quyết định này trong toàn cơ quan, đơn vị, địa phương, các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn;

- Tăng cường giải pháp nâng cao số lượng hồ sơ nộp trực tuyến dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 của cơ quan, đơn vị, địa phương trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh;

- Tiếp tục rà soát, tái cấu trúc quy trình, lập danh mục thủ tục hành chính cần được cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp để điều chỉnh, bổ sung đảm bảo đạt mục tiêu đặt ra tại Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc kết nối, tích hợp dịch vụ công của cơ quan, đơn vị, địa phương với Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

2. Văn phòng UBND tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, cập nhật danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền của tỉnh trên cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương cập nhật, triển khai thực hiện dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 đảm bảo đầy đủ, thông suốt và thuận lợi; theo dõi, tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh kết quả, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KSTT.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

PHỤ LỤC**Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2021***(Ban hành kèm theo Quyết định số **580** /QĐ-UBND ngày **19**/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)*

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Mức độ dịch vụ công đang thực hiện	Mức độ dịch vụ công trực tuyến thực hiện năm 2021		Tích hợp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
				Mức độ 3	Mức độ 4	
A	CẤP TỈNH			29	54	83
I.	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			0	15	15
1	1.000718.000.00.00.H18	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	2		X	X
2	1.001493.000.00.00.H18	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	2		X	X
3	1.000939.000.00.00.H18	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	2		X	X
4	1.005142.000.00.00.H18	Đăng ký dự thi trung học phổ thông quốc gia	2		X	X
5	1.001492.000.00.00.H18	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	2		X	X
6	2.001987.000.00.00.H18	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	2		X	X

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Mức độ dịch vụ công đang thực hiện	Mức độ dịch vụ công trực tuyến thực hiện năm 2021		Tích hợp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
				Mức độ 3	Mức độ 4	
7	1.005025.000.00.00.H18	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại	2		X	X
8	1.005466.000.00.00.H18	Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	2		X	X
9	1.005090.000.00.00.H18	Xét tuyển sinh vào trường PTDTNT	2		X	X
10	1.000288.000.00.00.H18	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	2		X	X
11	1.000280.000.00.00.H18	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	2		X	X
12	1.000691.000.00.00.H18	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	2		X	X
13	1.000715.000.00.00.H18	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	2		X	X
14	1.000713.000.00.00.H18	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	2		X	X
15	1.000711.000.00.00.H18	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	2		X	X
II.	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG			0	3	3
1	1.004434.000.00.00.H18	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	2		X	X

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Mức độ dịch vụ công đang thực hiện	Mức độ dịch vụ công trực tuyến thực hiện năm 2021		Tích hợp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
				Mức độ 3	Mức độ 4	
2	1.004433.000.00.00.H18	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	2		X	X
3	1.004223.000.00.00.H18	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	2		X	X
III. SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH				2	1	3
1	2.001628.000.00.00.H18	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	2	X		X
2	2.001611.000.00.00.H18	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	2	X		X
3	1.001440.000.00.00.H18	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	2		X	X
IV. SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ				23	15	38
1	1.001786.000.00.00.H18	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	3		X	X
2	1.001747.000.00.00.H18	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức Khoa học và Công nghệ	3		X	X
3	1.001716.000.00.00.H18	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	3		X	X

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Mức độ dịch vụ công đang thực hiện	Mức độ dịch vụ công trực tuyến thực hiện năm 2021		Tích hợp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
				Mức độ 3	Mức độ 4	
4	1.001693.000.00.00.H18	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	3		X	X
5	1.001677.000.00.00.H18	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	3		X	X
6	2.002248.000.00.00.H18	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	3		X	X
7	2.002249.000.00.00.H18	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	3		X	X
8	1.001565.000.00.00.H18	Thủ tục xác đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước	2	X		X
9	2.001248.000.00.00.H18	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước	2	X		X
10	1.004460.000.00.00.H18	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	2	X		X
11	1.004467.000.00.00.H18	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2	X		X
12	1.002935.000.00.00.H18	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	2	X		X

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Mức độ dịch vụ công đang thực hiện	Mức độ dịch vụ công trực tuyến thực hiện năm 2021		Tích hợp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
				Mức độ 3	Mức độ 4	
13	2.001164.000.00.00.H18	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	2	X		X
14	2.001148.000.00.00.H18	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	2	X		X
15	2.001143.000.00.00.H18	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	2	X		X
16	2.001137.000.00.00.H18	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	2	X		X
17	1.002690.000.00.00.H18	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ	2	X		X
18	2.001643.000.00.00.H18	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	2	X		X
19	2.001179.000.00.00.H18	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	2	X		X
20	1.008377.000.00.00.H18	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ	2	X		X

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Mức độ dịch vụ công đang thực hiện	Mức độ dịch vụ công trực tuyến thực hiện năm 2021		Tích hợp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
				Mức độ 3	Mức độ 4	
21	1.008379.000.00.00.H18	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác	2	X		X
22	2.000086.000.00.00.H18	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	3		X	X
23	2.000081.000.00.00.H18	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	3		X	X
24	2.002254.000.00.00.H18	Thủ tục cấp mới và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	3		X	X
25	2.000065.000.00.00.H18	Thủ tục phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp cơ sở (đối với công việc sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	3		X	X
26	2.000419.000.00.00.H18	Thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	2	X		X
27	2.000912.000.00.00.H18	Thủ tục đề nghị thay đổi, điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	2	X		X
28	2.000905.000.00.00.H18	Thủ tục đề nghị chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	2	X		X

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Mức độ dịch vụ công đang thực hiện	Mức độ dịch vụ công trực tuyến thực hiện năm 2021		Tích hợp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
				Mức độ 3	Mức độ 4	
29	2.000895.000.00.00.H18	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	2	X		X
30	2.002231.000.00.00.H18	Thủ tục cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	2	X		X
31	2.002232.000.00.00.H18	Thủ tục cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.	2	X		X
32	2.002118.000.00.00.H18	Thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ	2	X		X
33	2.001209.000.00.00.H18	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	3		X	X
34	2.001207.000.00.00.H18	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	3		X	X
35	2.001277.000.00.00.H18	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	3		X	X
36	2.001268.000.00.00.H18	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý	3		X	X

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Mức độ dịch vụ công đang thực hiện	Mức độ dịch vụ công trực tuyến thực hiện năm 2021		Tích hợp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
				Mức độ 3	Mức độ 4	
		bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành				
37	1.000373.000.00.00.H18	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân	2	X		X
38	1.000449.000.00.00.H18	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	2	X		X
V.	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN			0	4	4
1	1.004359.000.00.00.H18	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	2		X	X
2	1.004839.000.00.00.H18	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	2		X	X
3	1.004346.000.00.00.H18	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	2		X	X
4	1.007932.000.00.00.H18	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	2		X	X
VI.	SỞ XÂY DỰNG			2	5	7
1	1.002572.000.00.00.H18	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	2		X	X

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Mức độ dịch vụ công đang thực hiện	Mức độ dịch vụ công trực tuyến thực hiện năm 2021		Tích hợp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
				Mức độ 3	Mức độ 4	
2	1.002625.000.00.00.H18	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	2		X	X
3	1.007392.000.00.00.H18	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài	2		X	X
4	1.006876.000.00.00.H18	Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư	2		X	X
5	1.006873.000.00.00.H18	Công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư	2		X	X
6	1.007408.000.00.00.H18	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	2	X		X
7	1.007409.000.00.00.H18	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	2	X		X
VII.	SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI			0	2	2
1	2.000282.000.00.00.H18	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	2		X	X
2	2.000286.000.00.00.H18	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	2		X	X
VIII.	SỞ TƯ PHÁP			0	3	3

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Mức độ dịch vụ công đang thực hiện	Mức độ dịch vụ công trực tuyến thực hiện năm 2021		Tích hợp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
				Mức độ 3	Mức độ 4	
1	2.002139.000.00.00.H18	Thủ tục đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	3		X	X
2	1.001233.000.00.00.H18	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	3		X	X
3	2.000596.000.00.00.H18	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	3		X	X
IX.	SỞ Y TẾ			2	6	8
1	1.000854.000.00.00.H18	Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	2	X		X
2	1.001595.000.00.00.H18	Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn	2	X		X
3	1.003773.000.00.00.H18	Cấp thay đổi phạm vi chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền Sở Y tế	2		X	X
4	1.008069.000.00.00.H18	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám điều trị bệnh nghề nghiệp	2		X	X
5	1.003803.000.00.00.H18	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa	2		X	X
6	1.002140.000.00.00.H18	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp	2		X	X

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Mức độ dịch vụ công đang thực hiện	Mức độ dịch vụ công trực tuyến thực hiện năm 2021		Tích hợp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
				Mức độ 3	Mức độ 4	
7	1.002205.000.00.00.H18	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	2		X	X
8	2.000982.000.00.00.H18	Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị Y tế loại B, C, D.	2		X	X
B	CẤP HUYỆN			2	11	13
1	1.007262.000.00.00.H18	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh	2		X	X
2	1.008455.000.00.00.H18	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	2		X	X
3	1.000674.000.00.00.H18	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	2		X	X
4	2.000335.000.00.00.H18	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	2		X	X
5	2.000744.000.00.00.H18	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	2		X	X
6	1.001753.000.00.00.H18	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	2		X	X

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Mức độ dịch vụ công đang thực hiện	Mức độ dịch vụ công trực tuyến thực hiện năm 2021		Tích hợp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
				Mức độ 3	Mức độ 4	
7	1.001776.000.00.00.H18	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	2		X	X
8	1.001758.000.00.00.H18	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	2		X	X
9	1.001739.000.00.00.H18	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	2		X	X
10	1.001731.000.00.00.H18	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	2		X	X
11	1.005099.000.00.00.H18	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	2	X		X
12	1.004831.000.00.00.H18	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	2	X		X
13	1.004138.000.00.00.H18	Đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	2		X	X